

MODULE 1 : PHONETICS

● LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

I. Phiên âm Tiếng anh

1. Nguyên âm Vowels (u, e, o, a, i)

a. Nguyên âm ngắn - Short vowels

- / ə /: ago, mother, together

- / ʌ /: study, shut, must

- / u /: put, should, foot –

- / æ /: cat, chat, man

b. Nguyên âm dài - Long vowels

- / i:/ meet, beat, heat

- / a:/ father, star, car

- / ɜ:/ bird, shirt, early

c. Nguyên âm đôi- Diphthongs

- /ai/: buy, sky, hi, shy

- /ei/: day, baby, stay

- /au/: now, sound, cow

- / eə /: air, care, share

2. Phụ âm - Consonants

- /b/: bag, baby

- /d/: dog, daddy, dead

- /m/: mother, map, come

- /n/: many, none, news

- /l/: love, lucky, travel

- /r/: river, restaurant

- /t/: tea, teach

- /g/: get, game, go

- /f/: fall, laugh, fiction

- /v/: visit, van

- /w/: wet, why

- / tʃ /: children, chicken, watch

II. Cách phát âm của đuôi -s

"-s" được phát âm là:

+ /s/: khi âm tận cùng trước nó là /p/, /k/, /f/, /θ/, /t/.

- /i:/ hit, bit, sit

- / ɒ /: got job, hospital

- /e/: bed, send, tent, spend

- /u:/ school, food, moon

- / ɔ:/ sport, more, store

- / ɔɪ /: boy, enjoy, toy -

- /ou/: no, go, so

- / ɒə /: poor, sure, tour

- / ɪə /: near, tear, cheer

- /p/: pupil, pay, stop

- /k/: kiss, key

- /j/: yes, yellow

- /s/: see, summer

- /z/: zoo, visit

- /h/: hat, honey

- / dʒ /: village, jam, generous

- / θ /: thin, thick, something, birth

- / ð /: mother, with, this

- / ʃ /: she, sugar

- / ʒn /: vision

- / ŋ /: thank, sing

+ /ɪz/: khi trước -s là: ch, sh, ss, x, ge.

+ /z/: khi âm tận cùng trước nó là nguyên âm và các phụ âm còn lại.

Ví dụ: A. listens / 'lɪsnz /

B. reviews / rɪ'vju:z /

C. protects / prə'tekts /

D. enjoys / ɪn'dʒɔɪz /

Phần được gạch chân ở câu C được phát âm là /s/ còn lại được phát âm là /z/.

Đáp án là C

III. Cách phát âm của đuôi -ed

"-ed" được phát âm là:

+ /t/: khi âm tận cùng trước -ed là /s/, /tʃ/, /f/, /k/, /p/, /t/ thì phát âm là /t/.

+ /ɪd/: khi trước -ed là /t/ và /d/.

+ /d/: khi âm tận cùng trước -ed là nguyên âm và các phụ âm còn lại.

Ví dụ:

A. toured / tuərd /

B. jumped / dʒʌmpt /

C. solved / sɒlvd /

D. rained / reɪnd /

Câu B "-ed" được phát âm là /t/, các đáp án còn lại -ed được phát âm là /d/

Đáp án là B

***Các trường hợp đặc biệt của đuôi -ed**

Một số từ kết thúc bằng -ed được dùng làm tính từ/danh từ, đuôi -ed được phát âm là /ɪd/:

1. aged / eɪdʒɪd / (a): cao tuổi, lớn tuổi
aged / eɪdʒd / (Vpast): trở nên già, làm cho già cỗi
2. blessed / blesɪd / (a): thần thánh, thiêng liêng
3. crooked / krukɪd / (a): cong, oằn, vặn vẹo
4. dogged / dɒɡɪd / (a): gan góc, gan lì, bền bỉ
5. naked / neɪkɪd / (a): trơ trụi, trần trỗng
6. learned / lɜ:nɪd / (a): có học thức, thông thái, uyên bác
learned / lɜ:nd / (Vpast): học
7. ragged / ræɡɪd / (a): rách tả tơi, bù xù
8. wicked / wɪkɪd / (a): tinh quái, ranh mãnh, nguy hại
9. wretched / 'retʃɪd / (a): khốn khổ, bần cùng, tồi tệ
10. beloved / bɪ'ləvɪd / (a): yêu thương
11. cursed / kɜ:st / (a): tức giận, khó chịu
12. rugged / 'rʌɡɪd / (a): xù xì, gồ ghề
13. sacred / 'seɪkrɪd / (a): thiêng liêng, trân trọng
14. legged / 'legɪd / (a): có chân
15. hatred / 'heɪtrɪd / (a): lòng hận thù
16. crabbed / kræbɪd / (a): càu nhàu, gắt gỏng

● BÀI TẬP ÁP DỤNG

Exercises 1 : Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | |
|---------------------------|---------------|----------------|----------------|
| 1. A. nations | B. speakers | C. languages | D. minds |
| 2. A. proofs | B. looks | C. lends | D. stops |
| 3. A. dates | B. bags | C. photographs | D. speaks |
| 4. A. parents | B. brothers | C. weekends | D. feelings |
| 5. A. chores | B. dishes | C. houses | D. coaches |
| 6. A. works | B. shops | C. shifts | D. plays |
| 7. A. coughs | B. sings | C. stops | D. sleeps |
| 8. A. signs | B. profits | C. becomes | D. survives |
| 9. A. proofs | B. books | C. points | D. days |
| 10. A. phones | B. streets | C. books | D. makes |
| 11. A. proofs | B. regions | C. lifts | D. rocks |
| 12. A. involves | B. believes | C. suggests | D. steals |
| 13. A. remembers | B. cooks | C. walls | D. pyramids |
| 14. A. miles | B. words | C. accidents | D. names |
| 15. A. sports | B. plays | C. chores | D. minds |
| 16. A. walks | B. steps | C. shuts | D. plays |
| 17. A. wishes | B. practices | C. introduces | D. leaves |
| 18. A. grasses | B. stretches | C. comprises | D. potatoes |
| 19. A. desks | B. maps | C. plants | D. chairs |
| 20. A. pens | B. books | C. phones | D. tables |
| 21. A. dips | B. deserts | C. books | D. camels |
| 22. A. knees | B. peas | C. trees | D. niece |
| 23. A. cups | B. stamps | C. books | D. pens |
| 24. A. houses | B. faces | C. hates | D. places |
| 25. A. miles | B. attends | C. drifts | D. glows |
| 26. A. mends | B. develops | C. values | D. equals |
| 27. A. repeats | B. classmates | C. amuses | D. attacks |
| 28. A. humans | B. dreams | C. concerts | D. songs |
| 29. A. manages | B. laughs | C. photographs | D. makes |
| 30. A. dishes | B. oranges | C. experiences | D. chores |
| 31. A. helps | B. laughs | C. cooks | D. finds |
| 32. A. neighbors | B. friends | C. relatives | D. photographs |
| 33. A. snacks | B. follows | C. titles | D. writers |
| 34. A. streets | B. phones | C. books | D. makes |
| 35. A. cities | B. satellites | C. series | D. workers |
| 36. A. develops | B. takes | C. laughs | D. volumes |
| 37. A. fills | B. adds | C. stirs | D. lets |
| 38. A. wants | B. books | C. stops | D. sends |
| 39. A. books | B. dogs | C. cats | D. maps |
| 40. A. biscuits | B. magazines | C. newspapers | D. vegetables |
| o Phát âm đuôi -ed | | | |
| 41. A. lifted | B. lasted | C. happened | D. decided |
| 42. A. believed | B. prepared | C. involved | D. liked |
| 43. A. coughed | B. phoned | C. booked | D. stopped |
| 44. A. talked | B. looked | C. naked | D. worked |
| 45. A. developed | B. ignored | C. laughed | D. washed |
| 46. A. phoned | B. stated | C. mended | D. old-aged |
| 47. A. clapped | B. attracted | C. lifted | D. needed |
| 48. A. involved | B. believed | C. praised | D. locked |
| 49. A. remembered | B. cooked | C. raised | D. cleaned |
| 50. A. smiled | B. regarded | C. suggested | D. naked |

51. A. collected
 52. A. walked
 53. A. watched
 54. A. admired
 55. A. proved
 56. A. helped
 57. A. smoked
 58. A. failed
 59. A. invited
 60. A. smiled
 61. A. planned
 62. A. approved
 63. A. doubted
 64. A. managed
 65. A. washed
 66. A. filled
 67. A. removed
 68. A. looked
 69. A. wanted
 70. A. laughed
 71. A. reversed
 72. A. minded
 73. A. proved
 74. A. dated
 75. A. scaled
 76. A. behaved
 77. A. worked
 78. A. wanted
 79. A. booked
 80. A. kneeled
 81. A. bottled
 82. A. laughed
 83. A. coughed
 84. A. signed
 85. A. walked
 86. A. watched
 87. A. passed
 88. A. tested
 89. A. intended
 90. A. married

o Phát âm nguyên âm/phụ âm

91. A. unlike
 92. A. sister
 93. A. father
 94. A. feeling
 95. A. secure
 96. A. banquet
 97. A. polite
 98. A. family
 99. A. hospital
 100. A. night
 101. A. mother
 102. A. prepare
 103. A. leave
 104. A. pollute

B. changed
 B. entertained
 B. stopped
 B. looked
 B. changed
 B. laughed
 B. followed
 B. reached
 B. attended
 B. denied
 B. developed
 B. answered
 B. wedded
 B. laughed
 B. exchanged
 B. added
 B. washed
 B. laughed
 B. parked
 B. passed
 B. choked
 B. hated
 B. looked
 B. changed
 B. stared
 B. washed
 B. shopped
 B. booked
 B. watched
 B. bowed
 B. explained
 B. stamped
 B. cooked
 B. profited
 B. hundred
 B. practiced
 B. stretched
 B. clapped
 B. engaged
 B. sniffed

B. university
 B. close
 B. anything
 B. weekend
 B. future
 B. sacrifice
 B. idea
 B. father
 B. confidence
 B. children
 B. brother
 B. caring
 B. week
 B. busy

C. formed
 C. reached
 C. pushed
 C. missed
 C. pointed
 C. cooked
 C. titled
 C. absorbed
 C. celebrated
 C. divorced
 C. valued
 C. passed
 C. connected
 C. captured
 C. experienced
 C. started
 C. hoped
 C. moved
 C. stopped
 C. suggested
 C. played
 C. exchanged
 C. stopped
 C. struggled
 C. phoned
 C. clicked
 C. missed
 C. stopped
 C. jogged
 C. implied
 C. trapped
 C. booked
 C. melted
 C. attracted
 C. fixed
 C. introduced
 C. comprised
 C. planted
 C. phoned
 C. booked

C. unit
 C. houses
 C. another
 C. reading
 C. mature
 C. ambulance
 C. police
 C. happy
 C. biologist
 C. shift
 C. although
 C. repair
 C. live
 C. solution

D. viewed
 D. looked
 D. improved
 D. hoped
 D. played
 D. intended
 D. implied
 D. solved
 D. displayed
 D. agreed
 D. recognized
 D. uttered
 D. passed
 D. signed
 D. mixed
 D. intended
 D. missed
 D. stepped
 D. watched
 D. placed
 D. sentenced
 D. old-aged
 D. coughed
 D. agreed
 D. hundred
 D. approached
 D. displayed
 D. laughed
 D. developed
 D. compressed
 D. betrayed
 D. contented
 D. mixed
 D. naked
 D. coughed
 D. cleaned
 D. washed
 D. demanded
 D. enabled
 D. coughed

D. union
 D. house
 D. although
 D. ready
 D. culture
 D. husband
 D. oblige
 D. frankly
 D. home
 D. quit
 D. enough
 D. farther
 D. police
 D. conclusion